

# Hướng dẫn vận hành quỹ hỗ trợ đi học cho người nộp đơn

Đối với sinh viên hiện tại từ năm

## I. Đăng nhập vào hệ thống ứng dụng trực tuyến

Thiết lập hệ thống ứng dụng trực tuyến, nhập ID đăng nhập và mật khẩu bạn đã đăng nhập vào hệ thống năm ngoái và đăng nhập vào hệ thống. (Nếu bạn không biết ID hoặc mật khẩu của mình, vui lòng liên hệ với văn phòng.) )


👉 Hệ thống đăng ký trực tuyến (<https://shuugakushien-online.pref.hyogo.lg.jp>)



## II-3. Đơn xin chứng nhận (sinh viên hiện tại (thứ 2 trở lên))

### II-3-1. Mở màn hình ứng dụng

#### 1. Mở màn hình [Đơn xin chứng nhận (Sinh viên hiện tại (Sinh viên thứ 2 trở lên))].



The screenshot shows a web portal for students and guardians. At the top, there is a notification box with the date 2024/02/14 and a link to a PDF file. Below the notification is a menu with two items: '【申請・変更手続き】' (Application/Change Procedure) and '【申請状況一覧】' (Application Status List). A red box highlights the first item, labeled with a red '(1)'. Below this is another menu with four items: '【申請・変更手続き】' (Application/Change Procedure), '就学支援金' (Study Support Fund), '奨学給付金' (Scholarship Payment), and '学び直し支援金' (Re-learning Support Fund). A red box highlights the '就学支援金' item, labeled with a red '(2)'. Below this are three more items: '授業料等減免' (Tuition Fee Waiver), '奨学給付金' (Scholarship Payment), and '学び直し支援金' (Re-learning Support Fund). Each item has a status indicator: a green checkmark for '申請可能' (Application Possible) and a red X for '申請不可能' (Application Not Possible).

(1) Từ menu trên màn hình [Cổng thông tin], nhấn vào [Đăng ký/Quy trình thay đổi] để hiển thị danh sách các thủ tục đăng ký.

(2) Nhấn vào [Quỹ hỗ trợ đi học] để hiển thị danh sách các danh mục ứng dụng.

【申請・変更手続き】

就学支援金    ✓…申請可能    ✕…申請不可能    ▲

✕ 認定申請（新入生・転編入生（初回））

(3) ✓ 認定申請（在校生（2回目以降））

✕ 支給停止申出

✕ 支給再開申出

✕ 受給者情報変更申請(生徒名前、メールアドレス等)

(3) Nhấn vào [Yêu cầu chứng nhận (sinh viên hiện tại (thứ 2 trở lên))].

## 就学支援金

### (4) > 認定申請（在校生（2回目以降））



## 生徒情報

### 生徒情報

名前 **必須**

兵庫 太郎

フリガナ **必須**

ヒョウゴ タロウ

生年月日 **必須**

2008/04/23

郵便番号 **必須**

650 0001

都道府県 **必須**

兵庫県

市区町村 **必須**

神戸市中央区加納町

丁目・番地・号 **必須**

9丁目

建物名・号室

建物名・号室

申請者（本人）について **必須**

国籍について、どちらかを選択してください。

日本国

日本国以外

学校情報へ進む

一時保存

ポータルへ戻る

(4) Màn hình [Đơn xin chứng nhận (Sinh viên hiện tại (Sinh viên thứ 2 trở lên))] của "Quỹ hỗ trợ tuyển sinh vào trường" sẽ mở ra.

### **i** 補 sung

- Đối với các ứng dụng thứ hai và tiếp theo, thông tin từ ứng dụng trước đó sẽ được hiển thị ở thời điểm ban đầu.
- Nếu nó khác với thông tin hiện tại, vui lòng sửa nó Đúng.

## II-3-2. [Thông tin sinh viên] Màn hình đầu vào

### 1. Nhập thông tin học sinh của bạn.

就学支援金

> 認定申請（在校生（2回目以降））

生徒情報 学校情報 申請情報 国籍確認 申請確認 申請完了

生徒情報

生徒情報

名前 **必須**

兵庫 太郎

フリガナ **必須**

ヒョウゴ タロウ

生年月日 **必須**

2008/04/23

郵便番号 **必須**

650

0001

都道府県 **必須**

兵庫県

市区町村 **必須**

神戸市中央区加納町

丁目・番地・号 **必須**

9丁目

建物名・号室

建物名・号室

申請者（本人）について **必須**

国籍について、どちらかを選択してください。

日本国

日本国以外

(2)

学校情報へ進む

一時保存

ポータルへ戻る

(1) Thông tin sinh viên từ đơn đăng ký trước đó sẽ được hiển thị, vì vậy vui lòng sửa bất kỳ thay đổi nào.

(2) Nhấn vào nút [Đi đến thông tin trường học].

Trong "Giới thiệu về người nộp đơn (người)"

Nếu bạn chọn "Nhật Bản"



Chuyển đến "Màn hình nhập [Thông tin trường học]" trên trang 31 (trang 28 ~ 30 không liên quan)

Nếu bạn chọn "Bên ngoài Nhật Bản"



Đến "Bên ngoài Nhật Bản" ở trang 28 ~ 30

[Bên ngoài Nhật Bản]

Nếu bạn chọn "Bên ngoài Nhật Bản" trong "Giới thiệu về người nộp đơn", các trường bổ sung sẽ được hiển thị.

申請者（本人）について **必須**  
国籍について、どちらかを選択してください。

日本国

日本国以外

在留資格

永住者

特別永住者

日本人の配偶者等

永住者の配偶者等

定住者

家族滞在

いずれにも該当しない（留学等）

(1) Chọn tư cách lưu trú của bạn.



### Bổ sung

• Nếu bạn chọn [Vợ/chồng Nhật Bản, v.v.]

日本人の配偶者等

(1) 在留期間（満了日）

(1) Nhập thời gian lưu trú (ngày hết hạn).

• Nếu bạn chọn [Vợ/chồng của thường trú nhân]

永住者の配偶者等

(1) 在留期間（満了日）

(1) Nhập thời gian lưu trú (ngày hết hạn).

• Nếu bạn chọn [Thường trú nhân]

定住者

(1) 在留期間（満了日）

(1) Nhập thời gian lưu trú (ngày hết hạn).

日本に永住する意思の有無

(2)  意思あり

意思なし

(2) Chọn xem bạn có ý định sống lâu dài ở Nhật Bản hay không. Ma là.

\* Nếu bạn có ý định sống lâu dài, **bạn đủ điều kiện nhận quỹ hỗ trợ đi học.**

• Nếu bạn chọn Lưu trú gia đình.

家族滞在

(1) 在留期間（満了日）  

(1) Nhập thời gian lưu trú (ngày hết hạn).

(2) 日本国で就労する意思の有無  
 意思あり  
 意思なし

(2) Chọn xem bạn có ý định làm việc tại Nhật Bản hay không.

(3) 日本国の小学校の卒業の有無等  
 卒業した  
 卒業していない

(3) Chọn có tốt nghiệp tiểu học ở Nhật Bản hay không.

(4) 小学校名 **必須**

(4) Nếu bạn chọn "Tốt nghiệp", trường tiểu học  
Nhập tên trường.

日本国の中学校の卒業の有無等

(5)  卒業した  
 卒業していない

(5) Chọn có tốt nghiệp trung học cơ sở ở Nhật Bản hay không.

(6) 中学校名 **必須**

(6) Nếu bạn chọn "Tốt nghiệp", hãy nhập tên của trường trung học cơ sở.

在留資格確認書類等

「在留カード」・「特別永住者証明書」・「住民票の写し（原本）」等の在留資格及び在留期間が明記されているものを1つ提出してください。

※家族滞在を選択した場合は、加えて「日本国の小学校及び中学校の卒業証書又は卒業証明書」を提出してください。

提出方法

- (2)  在留資格確認書類等を画像添付にて提出する  
 在留資格確認書類等をシステム外で学校へ提出する

在留資格確認書類等登録

(3) ファイル選択

(2) Chọn phương thức nộp hồ sơ xác nhận tư cách lưu trú.

(3) Nếu bạn chọn "Gửi tài liệu xác nhận tư cách lưu trú kèm theo hình ảnh đính kèm", hãy nhấn vào nút "Chọn tệp" và chọn một hình ảnh.

## II-3-3. Màn hình nhập [Thông tin trường học]

### 1. Nhập thông tin trường học của bạn.

就学支援金

> 認定申請（在校生（2回目以降））



#### 学校情報

現在在学する高等学校等

学校名

開発者用全日制学校

学校の種類・課程

学科 **必須**

普通科

学年 **必須**

クラス

出席番号

1

1

2

在学期間 **必須**

2026/04/01 ~

うち支給停止期間等

うち支給停止期間等を追加 (+)

過去に在学した高等学校等

過去に在学した高等学校等を追加 (+)

(1)

次へ進む

一時保存

生徒情報へ戻る

(1) Thông tin trường học từ đơn đăng ký trước đó sẽ được hiển thị, vì vậy vui lòng kiểm tra nội dung.

(2) Nhấn vào nút [Tiếp theo].

#### **i** Bổ sung

- Trong số đó, trong thời gian tạm dừng thanh toán, học sinh trung học phổ thông đã đăng ký trong quá khứ  
Để biết thêm thông tin về các trường học, v.v., hãy xem P.11 "II-2-3. [Thông tin trường học] Màn hình đầu vào".

## II-3-4. [Thông tin ứng dụng] Màn hình đầu vào

### 1. Nhập thông tin ứng dụng.

**申請情報**

(1) 意向確認

どちらかを選択してください。 **必須**

就学支援金の受給資格認定申請を提出します。

就学支援金の受給資格認定申請を提出しません。  
※提出しない場合、授業料をお支払いいただくこととなります。

(2) **次へ進む**

(3) **申請確認へ進む**

(1) Chọn có đăng ký chứng nhận đủ điều kiện hay không.

#### **i** Bổ sung

- Tên của nút [Chuyển đến ~] thay đổi tùy thuộc vào lựa chọn. Nó sẽ trở thành.

(2) Chọn "Gửi đơn đăng ký chứng nhận đủ điều kiện", nhấn Tiếp theo.

(3) Chọn "Tôi sẽ không nộp đơn xin chứng nhận tính đủ điều kiện".

Nếu có, hãy nhấn vào Đi để yêu cầu xác nhận.

## II-3-5. Màn hình nhập [Xác nhận quốc tịch]

### 1. Nhập xác minh quốc tịch của bạn.

就学支援金

> 認定申請（在校生（2回目以降））



国籍確認

国籍確認

1人目

名前

兵庫 太郎

提出方法 **必須**

すべての選択肢がグレーになっている場合は、そのまま次へ進んでください

- a  個人番号カードを使用して自己情報を登録する
- b  個人番号を入力する  
個人番号に変更があった場合のみ、個人番号を入力してください。
- c  住民票の写し（原本）を画像添付にて提出する
- d  住民票の写し（原本）をシステム外で学校へ提出する

(1) Chọn phương thức nộp giấy tờ có thể xác nhận quốc tịch.

#### **i** Bổ sung

Vui lòng gửi nó theo một trong các cách sau:

a. Nếu bạn có Thẻ số cá nhân để đăng ký thông tin của riêng mình bằng Thẻ số cá nhân và có thể sử dụng Ứng dụng Cổng thông tin Myna, hãy lấy và gửi thông tin thu nhập của bạn từ Ứng dụng Cổng thông tin Myna.

\*Bạn không cần phải gửi Mã số cá nhân của mình.

b. Nhập số cá nhân của bạn

Nhập và gửi Mã số cá nhân của bạn

\* Sử dụng mã số cá nhân đã nhập, chúng tôi sẽ hỏi về thông tin thu nhập và các thông tin khác trong tỉnh. Sau khi bạn gửi Mã số cá nhân của mình, bạn không cần phải nhập nó trừ khi có sự thay đổi về số vào lần sau.

c. Nộp bản sao giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) kèm theo hình ảnh đính kèm Bản sao giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) được chụp ảnh và nộp.

d. Nộp bản sao (bản gốc) giấy chứng nhận cư trú của bạn cho trường bên ngoài hệ thống  
Nộp bản sao (bản gốc) giấy chứng nhận cư trú của bạn cho trường trên giấy  
\*Vui lòng chọn nếu bạn không thể tạo hình ảnh.

## 2. b.Γ Nếu bạn chọn "Nhập số của tôi"

個人番号入力

(1)

個人番号 **必須**  
\*\*\*\*\*

(2)

以下の内容を確認の上、チェックを付けてください。 **必須**  
 本申請の個人番号は、法令に定められた範囲内のみで就学  
支援金の支給事務に使用することを了承します。

(3)

申請確認へ進む  
一時保存  
申請情報へ戻る

(1) Nhập Mã số cá nhân của bạn.

(2) Kiểm tra nội dung và sau đó kiểm tra chúng.

(3) Nhấn vào nút [Tiến hành xác nhận ứng dụng].

### 3. c.Γ Nếu bạn chọn "Gửi bản sao (bản gốc) giấy chứng nhận cư trú của bạn với tệp ảnh kèm hình ảnh"

国籍確認書類等登録  
国籍確認書類等画像 **必須**

(1) ファイル選択

(2) 申請確認へ進む

一時保存

申請情報へ戻る

- (1) Nhấn vào [File Selection] và chọn file, chẳng hạn như tài liệu xác minh quốc tịch mà bạn đã chụp ảnh.
- (2) Nhấn vào nút [Tiến hành xác nhận ứng dụng].

---

#### 4. d.Γ Nếu bạn chọn "Nộp bản sao (bản gốc) giấy chứng nhận cư trú của bạn cho trường học bên ngoài hệ thống"

(1)

申請確認へ進む

一時保存

申請情報へ戻る

(1) Nhấn vào nút [Chuyển đến Xác nhận ứng dụng].

## II-3-6. Màn hình [Xác nhận ứng dụng]

### 1. Xem lại đơn đăng ký của bạn.

就学支援金

> 認定申請（在校生（2回目以降））



#### 申請確認

##### 申請確認

申請日

2026/04/08

##### 生徒情報

名前

兵庫 太郎

フリガナ

ヒョウゴ タロウ

生年月日

2008/04/23

郵便番号

650-0001

都道府県

兵庫県

市区町村名

神戸市中央区加納町

〒 番 地 号

(1) Đảm bảo rằng đơn đăng ký là chính xác và nhập thông tin liên hệ từ đơn đăng ký trước đó, vì vậy nếu bạn muốn thay đổi nó, bạn sẽ có thể nhập nó.

#### Bổ sung

- Nếu có bất cứ điều gì để truyền đạt, hãy nhập nó vào trường nhận xét. Làm ơn.

(1)

#### 連絡先

電話番号 **必須**

電話番号は数字のみで入力してください。

メールアドレス **必須**

備考欄（2回目以降の申請の場合は、前回申請からの変更理由を記載すること）

例）（2回目以降の申請の場合）

令和〇年〇月〇日 転居により住所変更

令和〇年〇月〇日 離婚により保護者変更

#### 確認事項

(2) 以下の内容を確認の上、チェックを付けてください。

必須

- 本申請内容は、事実と相違ありません。
- 本申請に虚偽の入力をして提出し、就学支援金の支給をさせた場合は、不正利得の徴収や3年以下の拘禁刑又は100万円以下の罰金等に処されることがあることを承知しています。
- これまで、高等学校等（修業年限が3年未満のものを除く）を卒業又は修了したことはありません。
- これまで、高等学校等に在学した期間が通算して36月（定時制・通信制は48月）を超えていません。（ただし、就学支援金の支給停止期間等は含めない）
- 就学支援金を授業料に充てるとともに、就学支援金の支給に必要な事務手続を学校設置者に委任することを了承します。

(2) Kiểm tra nội dung và kiểm tra chúng.

(3) Nhấn vào [Đưa ra yêu cầu].

(3)

申請を行う

一時保存

国籍確認へ戻る



## II-3-7. [Đơn đăng ký đã hoàn tất] Màn hình

### 1. Đơn xin cấp chứng chỉ (sinh viên hiện tại (lần 2 và lần tiếp theo)) đã hoàn thành.

就学支援金

> 認定申請（在校生（2回目以降））



申請完了

受給資格確認申請（在校生（2回目以降））の手続きが完了しました。

(1) 受付番号

26-12-9100011-002-20260408-174428

[ポータルへ戻る](#)

(1) Đơn xin cấp chứng chỉ (sinh viên hiện tại (lần thứ 2 và lần tiếp theo)) đã hoàn thành và số lễ tân sẽ được cấp.

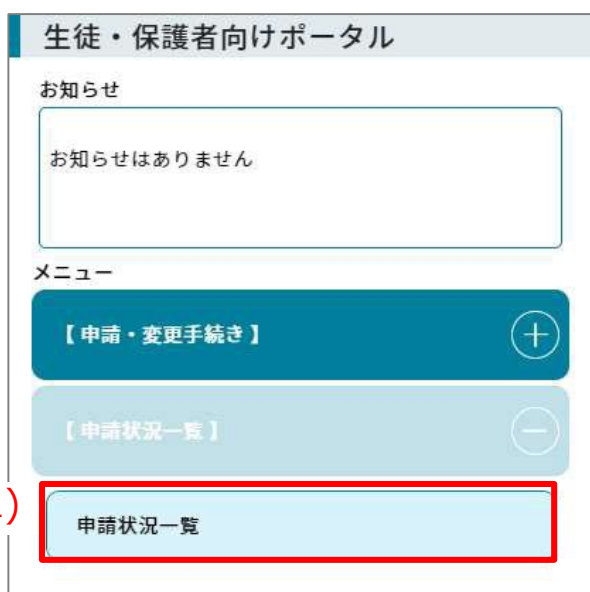
## II-3-8. Xác nhận thông báo kết quả



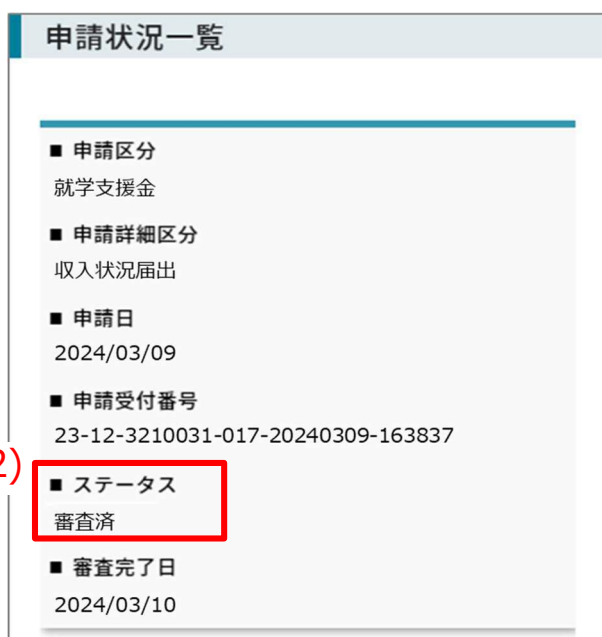
### Điều kiện tiên quyết

- Bạn phải nhận được thông báo về kết quả đơn xin cấp chứng chỉ của mình (sinh viên hiện tại (thứ 2 trở lên)) qua email.

### 1. Kiểm tra thông báo kết quả.



- (1) Mở rộng "Danh sách trạng thái ứng dụng" từ menu trên màn hình [Cổng thông tin] và nhấn vào [Danh sách trạng thái ứng dụng] được hiển thị.



- (2) Kiểm tra trạng thái từ danh sách trạng thái ứng dụng và đảm bảo rằng

#### Bổ sung

- Nếu trạng thái là "Đang nộp đơn", trường hoặc đang trong quá trình được tình rà soát.

## 通知一覧

### ■ 申請区分

就学支援金

### ■ 申請詳細区分

収入状況届出

### ■ 申請年度

2024

### ■ 審査結果

認定

### ■ 結果通知書

[収入状況届出通知ファイル.pdf](#)

(3)

(3) Kiểm tra thông báo kết quả từ danh sách thông báo.

### **i** Bổ sung

- Nếu bạn muốn tải xuống thông báo kết quả, vui lòng nhấp vào Nhấn vào liên kết trong thư thông báo.